

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN HOÀNG HẢI

**XÂY DỰNG KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
BẰNG THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG ÁP DỤNG TRONG
CÔNG TÁC KIỂM TOÁN**

Chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Mã số: 60.58.02.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ KỸ THUẬT

Đà Nẵng - Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. PHAN CAO THỌ

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Quang Đạo

Phản biện 2: PGS.TS. Châu Trường Linh

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Kỹ thuật họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 01 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

– Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Khi thực hiện kiểm toán các dự án hạ tầng đô thị, việc đánh giá hiệu quả đầu tư (gồm: tính hiệu quả, tính hiệu lực và tính kinh tế) là một nội dung hết sức quan trọng của Kiểm toán nhà nước, để từ đó đưa ra những kiến nghị kịp thời, những điều chỉnh phù hợp và bài học kinh nghiệm cho các cấp chính quyền địa phương, cho Chính phủ và Quốc Hội trong việc định hướng đầu tư phát triển ở các thời kỳ tiếp theo. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là *việc đánh giá hiệu quả đầu tư được dựa trên các tiêu chí nào? Phương pháp xác định các tiêu chí? Cơ sở đánh giá các tiêu chí? Phương pháp tổng hợp tất cả các tiêu chí để đánh giá tính tổng thể về hiệu quả đầu tư của Dự án?*

Hiện nay, Kiểm toán Nhà nước chưa định hướng và xây dựng được một quy trình hoặc hệ thống các tiêu chí cụ thể để đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án nói chung và dự án hạ tầng đô thị nói riêng mà chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và nhận định chủ quan của các kiểm toán viên nhà nước (hầu hết được đào tạo ở lĩnh vực tài chính) dẫn đến các đánh giá còn mang tính chủ quan, thiếu cơ sở khoa học và chưa có cái nhìn tổng quan trên tất cả các mặt kinh tế - chính trị - xã hội - môi trường - kỹ thuật xây dựng công trình, còn thiên về yếu tố kinh tế. Như vậy, một nghiên cứu cơ bản trong công tác đánh giá hiệu quả đầu tư dự án hạ tầng đô thị, đặc biệt **xây dựng được một hệ thống các tiêu chí và phương pháp đánh giá lượng hóa** sẽ giải quyết được các vướng mắc nêu trên. Đó là lý do hình thành đề tài: ***Xây dựng khung tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư Dự án Hạ tầng đô thị bằng Thẻ điểm cân bằng áp dụng trong công tác kiểm toán.***

2. Mục tiêu nghiên cứu

Xây dựng khung tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư dự án hạ tầng đô thị, trong đó xây dựng được một hệ thống các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá chi tiết và phương pháp lượng hóa các nhận định, đánh giá. Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

- Nghiên cứu các đặc trưng của dự án hạ tầng đô thị và xác định vai trò, ý nghĩa của công tác đánh giá hiệu quả đầu tư.

- Tổng kết, phân tích các sai sót phát hiện khi kiểm toán các dự án hạ tầng đô thị của Kiểm toán Nhà nước từ khi thành lập đến nay.

- Nghiên cứu phương pháp đánh giá bằng Thẻ điểm cân bằng và tính khả dụng trong đánh giá hiệu quả đầu tư dự án hạ tầng đô thị.

- Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá chi tiết trên cơ sở khung các tiêu chí tổng quát thành lập nên Thẻ điểm cân bằng.

- Nghiên cứu phương pháp, đề xuất công thức, xây dựng hàm đa mục tiêu, kiến nghị các hệ số tỷ trọng trong việc lượng hóa các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá và tổng hợp kết quả đánh giá tổng thể.

- Xây dựng bảng tính Excel ứng dụng trong thực tế

- Ứng dụng kết quả nghiên cứu đối với dự án Đường Hoàng Văn Thái nối dài đi Bà Nà, Tp Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các dự án hạ tầng đô thị có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đề tài tập trung nghiên cứu trong phạm vi kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về nội dung đánh giá hiệu quả đầu tư dự án hạ tầng đô thị thông qua tổng hợp, phân tích các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán. Xây dựng khung tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả đầu tư dựa trên kết quả nghiên cứu Thẻ điểm cân bằng.

5. Bố cục đề tài

Gồm 100 trang A4: Mở đầu, 04 chương nội dung và phân kết luận kiến nghị trong đó có 10 Bảng biểu, 10 Hình vẽ, 12 tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của đề tài dựa trên các tài liệu nghiên cứu về Thẻ điểm cân bằng, các tài liệu về kiểm toán, các tài liệu pháp luật về dự án đầu tư và tham khảo một số báo cáo của một số chuyên gia.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ VÀ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

1.1.1. Khái niệm

Hạ tầng đô thị là tổng hợp một hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho sự phát triển của một khu dân cư, cụm dân cư, khu đô thị, cụm đô thị, khu công nghiệp... tùy thuộc vào quy mô và mục tiêu đặt ra khi đầu tư dự án.

1.1.2. Thực trạng đầu tư hạ tầng đô thị ở nước ta hiện nay

Trong những năm qua, sự phát triển của hệ thống đô thị góp phần tạo nên bộ mặt đô thị đổi mới, từng bước nâng cao chất lượng đô thị. Tuy nhiên, tốc độ phát triển quá nhanh của đô thị đã vượt khả năng điều hành, năng lực quản lý của chính quyền địa phương; hiện tượng ùn tắc, ngập úng vẫn là mối lo ngại tại các đô thị lớn; tình trạng thất thoát, tham nhũng, lãng phí ngày càng phổ biến...

1.1.3. Định hướng phát triển hạ tầng đô thị ở nước ta

Hội nghị TW4 (khóa XI) đã ra Nghị quyết "Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020".

1.2. VAI TRÒ, Ý NGHĨA VÀ THỰC TRẠNG CỦA VIỆC ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ TRƯỚC, TRONG VÀ SAU KHI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

1.2.1. Vai trò, ý nghĩa của việc đánh giá hiệu quả đầu tư

Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư phải được chú trọng để nâng cao hiệu quả quản lý và đầu tư dự án. Việc đánh giá phải được thực hiện một cách nghiêm túc ở các giai đoạn trước, trong và sau khi đầu tư, tập trung ở 3 vấn đề là tính hiệu quả, tính hiệu lực và tính kinh tế.

1.2.2. Thực trạng của việc đánh giá hiệu quả đầu tư hiện nay

Hiện nay, công tác đánh giá hiệu quả đầu tư ở nước ta chưa được xem xét một cách nghiêm túc, khách quan và triệt để, hầu hết chỉ mới dừng lại ở việc dự báo hiệu quả của dự án, chưa thực hiện đánh giá hiệu quả thực sự. Ngoài ra, quy trình đầu tư hiện nay chưa coi trọng công tác đánh giá hiệu quả đầu tư. Một số dự án đánh giá sơ sài, thiếu thực chất và khách quan; việc đánh giá hiệu quả chưa có một tổ chức độc lập đứng ra đảm nhận với đầy đủ tư cách pháp lý.

1.3. GIỚI THIỆU VỀ KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.3.1. Kiểm toán Nhà nước

Kiểm toán nhà nước là cơ quan do Quốc hội thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Đối với các dự án hạ tầng đô thị có sử dụng ngân sách nhà nước, KTNN thực hiện kiểm toán xuyên suốt từ khâu chuẩn bị đầu tư đến khi công trình hoàn thành đi vào sử dụng, kiểm toán toàn bộ chi phí, đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực và tính kinh tế của dự án.

1.3.2. Một số khái niệm cơ bản

1. Kiểm toán: là quá trình thu thập và đánh giá các bằng chứng về các thông tin có thể định lượng của một đơn vị nhằm xác nhận và báo cáo về mức độ phù hợp giữa các thông tin này với các chuẩn mực đã được xây dựng.

2. Kiểm toán dự án hạ tầng đô thị là loại hình kiểm toán tổng hợp gồm: kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán báo cáo tài chính.

3. Hệ thống kiểm soát nội bộ: là các đơn vị, tổ chức cá nhân có trách nhiệm kiểm soát trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

1.4. CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN VÀ VAI TRÒ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KHI THỰC HIỆN KIỂM TOÁN CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

Trong lĩnh vực đầu tư công nói chung và đầu tư dự án hạ tầng đô thị nói riêng, Kiểm toán Nhà nước đã phát hiện nhiều nội dung tồn tại để từ đó đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp, góp phần nâng cao khả năng phát huy hiệu quả của dự án. Tuy nhiên, các kiến nghị trong thời gian qua chỉ mang tính sự vụ, chưa có các đóng góp mang tầm chiến lược, vĩ mô đối với việc quy hoạch, phát triển đô thị.

1.5. KẾT LUẬN

1. Dự án hạ tầng đô thị là một sản phẩm đặc thù với đặc điểm:

- Đối tượng được hưởng lợi từ dự án bao gồm chính các đối tượng, cá thể tham gia vào quá trình đầu tư, thực hiện dự án.

- Dự án hạ tầng đô thị có mục đích, kết quả rõ ràng, liên quan đến nhiều bên và thời gian tồn tại có tính hữu hạn.

- Sản phẩm, kết quả của dự án hạ tầng đô thị mang tính độc đáo, mới lạ. Mỗi dự án sẽ đặt ra yêu cầu về nhân lực, vật lực, chi phí và thời gian xác định, không dự án nào giống với dự án nào.

2. Để xem xét tính thực tiễn của dự án hạ tầng đô thị, xem xét hiệu quả, mức độ tác động của dự án đối với môi trường xung quanh, việc đánh giá hiệu quả đầu tư dự án bao gồm tính hiệu quả, tính hiệu lực và tính kinh tế là hết sức quan trọng và cần thiết.

3. Khi thực hiện kiểm toán các dự án hạ tầng đô thị, việc đánh giá tính hiệu quả, tính hiệu lực và tính kinh tế của dự án là một trong những nội dung trọng yếu của Kiểm toán nhà nước.

4. Kiểm toán Nhà nước cần xây dựng một hệ thống khung các tiêu chí và phương pháp đánh giá hoàn chỉnh và nhất quán để giúp cho các Kiểm toán viên có cái nhìn tổng quan nhằm đưa ra các nhận định, đánh giá chính xác khách quan và phù hợp với thực tế đầu tư.

CHƯƠNG 2

CÁC TỒN TẠI PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

Qua quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng nói chung và các dự án hạ tầng đô thị nói riêng, Kiểm toán Nhà nước đã phát hiện nhiều tồn tại. Đúc kết từ những kinh nghiệm thực tiễn có thể tổng kết các tồn tại gồm 08 nhóm cơ bản:

2.1. VỀ CHỦ TRƯỞNG, NHU CẦU VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Đây là điều kiện tiên quyết để quyết định đến việc triển khai đầu tư dự án, xác định quy mô và yêu cầu kỹ thuật của công trình. Tổng hợp kết quả kiểm toán cho thấy tồn tại ở một số nội dung:

- Chủ trương đầu tư dự án không căn cứ vào nhu cầu thật sự và không thể hiện đầy đủ tính cấp thiết phải thực hiện đầu tư; đánh giá nhu cầu đầu tư không sát với thực tế, dự báo sai xu thế phát triển.

- Thực hiện đầu tư khi không xác định được nguồn vốn, bố trí vốn đầu tư chưa đúng quy định, xây dựng phương án hoàn trả vốn (đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn) chưa sát với thực tế.

2.2. VỀ CÔNG TÁC KHẢO SÁT, LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Chất lượng công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt dự án đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn phương án đầu tư, là cơ sở triển khai các bước tiếp theo. Các tồn tại chủ yếu gồm:

- Lựa chọn vị trí đầu tư không hợp lý, không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; các tài liệu, số liệu sử dụng trong phân tích hiệu quả đầu tư của dự án chưa đủ độ tin cậy, thiếu chính xác.

- Giải pháp thiết kế chưa lựa chọn được phương án tối ưu; lựa chọn công nghệ không theo tiêu chí so sánh chi phí - hiệu quả, không đảm bảo tính đồng bộ. Tổng mức đầu tư chưa hợp lý.

2.3. VỀ CÔNG TÁC KHẢO SÁT, LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ - DỰ TOÁN

Hồ sơ thiết kế - dự toán (bao gồm: hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật; thiết kế kỹ thuật và thiết kế BVTC) là tài liệu mang tính xuyên suốt và là hệ quy chiếu xác định mức độ thỏa mãn các yếu tố kinh tế, kỹ thuật của dự án. Tuy nhiên, các dự án đã bộc lộ một số tồn tại:

- Số liệu khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn chưa đầy đủ, thiếu độ tin cậy, không sát với thực tế hiện trường.

- Thiết kế không tuân thủ tiêu chuẩn, quy trình quy phạm áp dụng cho dự án; thiết kế, bố trí dây chuyền công nghệ không đồng bộ; đề xuất giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công không phù hợp.

- Công tác tính toán khối lượng còn sai sót như: không trừ kết cấu chiếm chỗ; tính trùng khối lượng...

- Dự toán áp dụng, vận dụng sai định mức, đơn giá, không phù hợp với biện pháp và điều kiện thi công, sai số học và đơn vị tính.

- Áp giá bồi thường giải phóng mặt bằng không đúng quy định; đền bù cho diện tích không đủ điều kiện; xây dựng hạng mục tái định cư không sát với nhu cầu gây lãng phí ngân sách.

2.4. VỀ CÔNG TÁC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Công tác lựa chọn nhà thầu là nội dung thường xảy ra nhiều tiêu cực và rất khó quản lý, phát hiện. Kết quả kiểm toán tập trung chủ yếu ở các phát hiện sau:

- Gói thầu đủ điều kiện đấu thầu rộng rãi nhưng đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu; chia nhỏ gói thầu để thực hiện chỉ định thầu.

- Hồ sơ mời thầu còn có nhiều điểm mâu thuẫn, bất hợp lý, đưa ra các tiêu chí đánh giá hồ sơ dự thầu không phù hợp.

- Nhà thầu lập giá dự thầu với đơn giá của các vật tư, thiết bị cao cấp nhưng không tuân thủ chủng loại tương ứng khi thực hiện.

- Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu không đúng quy định.

2.5. VỀ CÔNG TÁC THƯƠNG THẢO VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng kinh tế là cơ sở pháp lý cao nhất để xem xét trong trường hợp xảy ra các tranh chấp giữa các bên liên quan. Một số tồn tại sau thường xảy ra trong quá trình thương thảo và ký kết hợp đồng:

- Không tiến hành đàm phán trước khi ký kết hợp đồng hoặc có tiến hành đàm phán nhưng bất lợi cho nhà nước và không đảm bảo nguyên tắc đối xử bình đẳng với tất cả những nhà thầu.

- Hợp đồng được ký kết không tuân thủ theo các “Nguyên tắc về ký kết hợp đồng xây dựng”, nội dung không đầy đủ và chặt chẽ.

- Điều khoản quản lý chất lượng không phù hợp với các quy định riêng của dự án hay yêu cầu của thiết kế, không phù hợp với hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu.

2.6. VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG THI CÔNG

Chất lượng và khối lượng thi công luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản lý trong quá trình thực hiện dự án. Tuy nhiên, đây lại là một vấn đề rất bất cập và nhiều sai sót thể hiện ở các điểm:

- Do giám sát không tốt hoặc có tình trạng TVGS thông đồng với nhà thầu nên không phát hiện kịp thời hoặc “cho qua” các hạng mục có khiếm khuyết, sử dụng nguyên vật liệu kém chất lượng...

- Quá trình thi công không tuân thủ theo chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế; không tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm thi công và nghiệm thu đối với từng hạng mục công trình.

- Hồ sơ quản lý chất lượng không đảm bảo quy định; khối lượng thi công không đúng như hồ sơ thiết kế; Phân chia khối lượng theo từng thời điểm không đúng trong việc tính toán bù giá hợp đồng.

2.7. VỀ QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG VÀ TIẾN ĐỘ DỰ ÁN

- Các Nhà thầu không lập tiến độ thi công chi tiết; tiến độ của gói thầu không phù hợp với tiến độ chung của dự án; điều chỉnh tiến độ hợp đồng nằm ngoài các trường hợp theo quy định.

- Khi chậm tiến độ không thực hiện xác định rõ nguyên nhân chủ quan hay khách quan và mức độ ảnh hưởng; việc điều chỉnh tiến độ dự án không đúng thẩm quyền.

2.8. VỀ CÔNG TÁC NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN

Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình thực hiện đầu tư. Các tồn tại chủ yếu ở công tác này thường tập trung vào các vấn đề:

- Hồ sơ nghiệm thu tổng thể không đầy đủ; bản vẽ hoàn công không đúng với thực tế hiện trường; nghiệm thu cả phần khối lượng thực tế không thi công hoặc đã thay đổi giải pháp thiết kế.

- Đưa vào khai thác sử dụng khi chưa đủ điều kiện.

- Không phát hiện các sai sót trong việc tính toán khối lượng của đơn vị tư vấn thiết kế và vẫn nghiệm thu theo hồ sơ thiết kế; không thực hiện xử phạt theo các điều khoản trong hợp đồng.

2.9. KẾT LUẬN

1. KTNN đã thực hiện kiểm toán nhiều dự án đầu tư xây dựng nói chung và dự án hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông nói riêng trong phạm vi cả nước, qua đó đã phát hiện ra nhiều tồn tại và sai sót.

2. Tùy vào tính chất và mức độ nghiêm trọng của các sai sót, KTNN đã có các kiến nghị, xử lý kịp thời và phù hợp.

3. Các tồn tại xảy ra có thể xuất phát từ các nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan nhưng cũng có những trường hợp cố ý làm sai vì lợi ích kinh tế và các mục đích tiêu cực khác. Có thể tổng hợp bởi các 03 nguyên nhân cơ bản sau: 1) Do thay đổi chính sách đầu tư công; 2) Do năng lực hạn chế của các đơn vị tham gia thực hiện dự án; 3) Do lợi ích nhóm và lợi ích cá nhân của các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong các giai đoạn triển khai thực hiện dự án.

Từ đó cho thấy việc xây dựng khung tiêu chí và phương pháp nhất quán trong đánh giá hiệu quả đầu tư dự án nói chung và dự án hạ tầng đô thị nói riêng là hết sức cần thiết.

CHƯƠNG 3

XÂY DỰNG KHUNG TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ BẰNG THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG (BALANCED SCORECARD - BSC)

3.1. TỔNG QUAN VỀ THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG (BSC)

3.1.1. Giới thiệu về Thẻ điểm cân bằng

Thẻ điểm cân bằng là phương pháp nhằm chuyển tầm nhìn và chiến lược thành những mục tiêu cụ thể, những phép đo và chỉ tiêu rõ ràng bằng việc thiết lập một hệ thống đo lường hiệu quả.

3.1.2. Sự phát triển của Thẻ điểm cân bằng

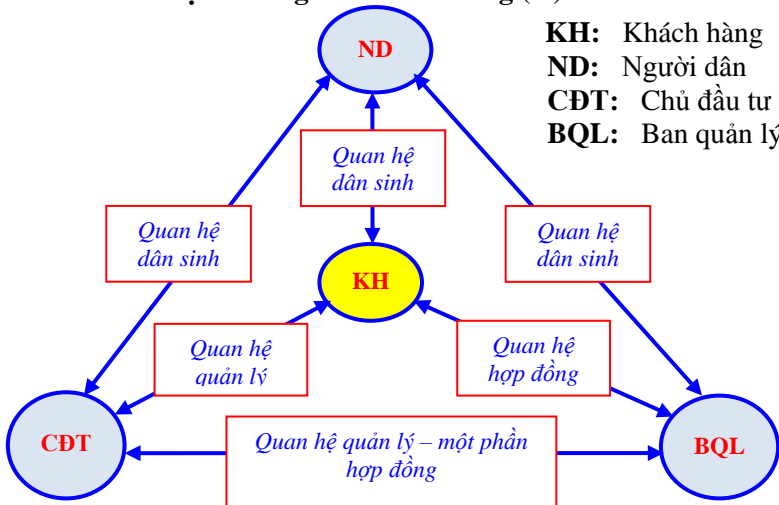
Thẻ điểm cân bằng đã được áp dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia

3.1.3. Tính khả dụng của Thẻ điểm cân bằng trong công tác đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng

Mang tính tổng quát và có cái nhìn tổng thể trên tất cả các mặt

3.2. XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ TỔNG QUÁT THÀNH LẬP THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG

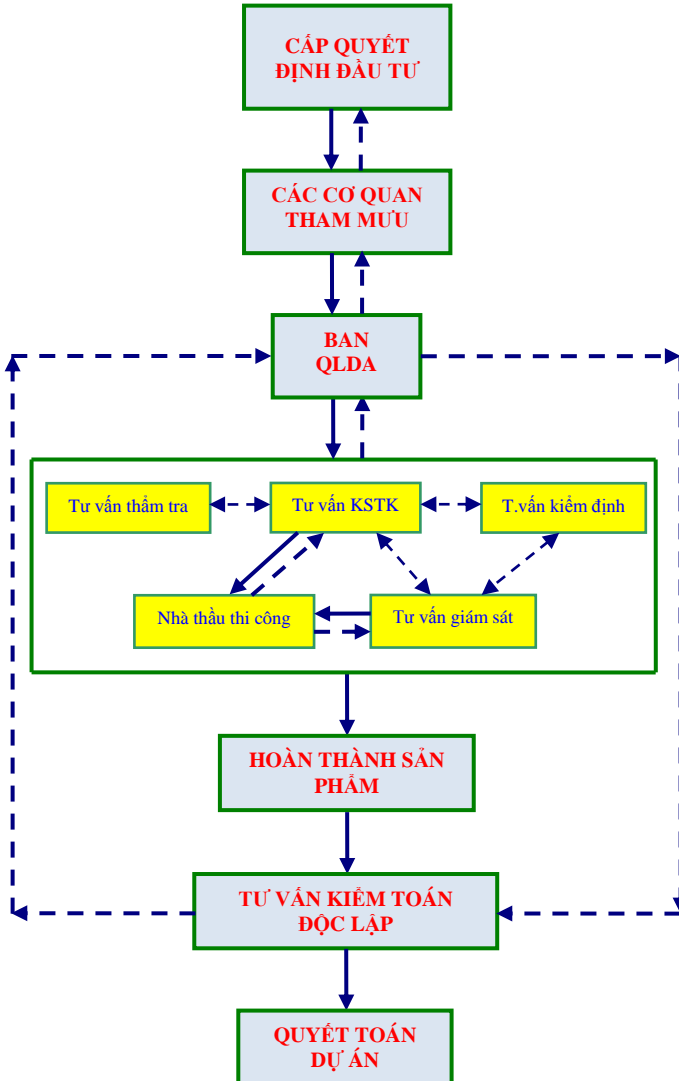
3.2.1. Sự hài lòng của khách hàng (H)



Hình 3.1. Sơ đồ mối quan hệ của chủ thể Khách hàng

3.2.2. Quy trình nội bộ (N)

Mục đích của việc xây dựng tiêu chí quy trình nội bộ nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của dự án.



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống kiểm soát nội bộ dự án

3.2.3. Đào tạo và phát triển (Đ)

Đây là tiêu chí nhằm đánh giá việc nâng cao trình độ quản lý, cải tiến kỹ thuật, cải tiến phương pháp tổ chức, phát triển chất lượng nguồn nhân lực thông qua kết quả đầu tư thực hiện dự án.

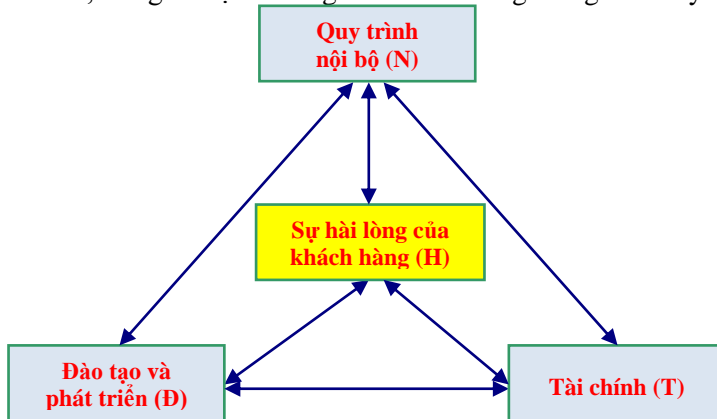
3.2.4. Tài chính (T)

Tiêu chí tài chính chủ yếu đánh giá ở các nội dung cơ bản:

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt chi phí đầu tư có phù hợp quy định.
- Việc xác định chi phí đầu tư có đảm bảo tính chính xác, trung thực, tiết kiệm, hợp lý và tương xứng với nhu cầu, quy mô đầu tư.
- Công tác quản lý tài chính, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình có đảm bảo tính chính xác, trung thực.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC TIÊU CHÍ TỔNG QUÁT

Các tiêu chí tổng quát có mối quan hệ chặt chẽ và tương tác lẫn nhau, trong đó sự hài lòng của khách hàng mang tính xuyên suốt.



Hình 3.3. Mối quan hệ giữa các tiêu chí tổng quát

3.4. XÂY DỰNG HÀM ĐA MỤC TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ BẰNG THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG

3.4.1. Hệ thống thang điểm đánh giá

Hàm đa mục tiêu được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá tổng hợp 04 tiêu chí tổng quát thành lập Thẻ điểm cân bằng. Trong

đó, mỗi tiêu chí tổng quát được cấu thành bởi nhiều chỉ tiêu cụ thể được đánh giá bằng hệ thống thang điểm từ 0 ÷ 10 điểm.

Kết quả điểm đánh giá (ĐG) được thể hiện chi tiết qua việc phân tầng đối với hệ thống thang điểm, cụ thể như sau:

- $0 \leq \text{ĐG} < 5,0$ điểm: không hiệu quả
- $5,0 \leq \text{ĐG} < 7,0$ điểm: kém hiệu quả
- $7,0 \leq \text{ĐG} \leq 8,5$ điểm: có hiệu quả
- $8,5 < \text{ĐG} \leq 10$ điểm: hiệu quả cao

3.4.2. Tổng hợp kết quả đánh giá đối với từng tiêu chí tổng quát

Các tiêu chí tổng quát được triển khai thành nhiều chỉ tiêu cụ thể để đánh giá theo thang điểm, kết quả tổng hợp được tính toán qua các biểu thức:

$$H = \frac{\sum_{i=1}^n H_i}{n} \quad (3.1)$$

$$N = \frac{\sum_{i=1}^n N_i}{n} \quad (3.2)$$

$$\text{Đ} = \frac{\sum_{i=1}^n \text{Đ}_i}{n} \quad (3.3)$$

$$T = \frac{\sum_{i=1}^n T_i}{n} \quad (3.4)$$

Trong đó:

$H_i, N_i, \text{Đ}_i, T_i$: Điểm số đánh giá chi tiết đối với chỉ tiêu thứ i thuộc các tiêu chí tổng quát tương ứng

n : số lượng các chỉ tiêu được xem xét trong từng tiêu chí tổng quát.

3.4.3. Tổng hợp kết quả đánh giá đối với 04 tiêu chí tổng quát

Thực hiện tổng hợp kết quả đánh giá của dự án qua biểu thức:

$$\text{ĐG} = k_H \times H + k_N \times N + k_D \times \text{Đ} + k_T \times T$$

Trong đó:

k_H, k_N, k_D, k_T : hệ số tỷ trọng điểm đối với từng tiêu chí tổng quát

Bảng 3.1. Bảng đề xuất hệ số tỷ trọng điểm đối với các tiêu chí tổng quát

Hệ số	k_H	k_N	k_D	k_T
Tỷ trọng	0,25 ÷ 0,45	0,25 ÷ 0,35	0,1 ÷ 0,25	0,25 ÷ 0,35

3.5. XÂY DỰNG KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

Việc đánh giá được thực hiện trên khung 04 tiêu chí tổng quát thành lập nên Thẻ điểm cân bằng. Mỗi tiêu chí được cấu thành bởi hệ thống các chỉ tiêu nhằm mục đích cụ thể hóa các mục tiêu đánh giá.

3.5.1. Sự hài lòng của khách hàng (H)

Bảng 3.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá tiêu chí Sự hài lòng của khách hàng

Mục tiêu đánh giá	Hệ thống các chỉ tiêu (H _i)
Chủ trương, nhu cầu và nguồn vốn đầu tư	1. Tính hợp lý của chủ trương đầu tư
	2. Tính cấp bách phải thực hiện đầu tư
	3. Tính hợp pháp, hợp lý nguồn vốn thực hiện
	4. Tính khả thi của dự án
Khảo sát, lập Dự án	5. Chất lượng công tác khảo sát
	6. Chất lượng hồ sơ thiết kế cơ sở
	7. Chất lượng hồ sơ lập tổng mức đầu tư
Khảo sát, lập thiết kế - dự toán	8. Chất lượng công tác khảo sát
	9. Chất lượng hồ sơ thiết kế
	10. Chất lượng hồ sơ dự toán
Công tác lựa chọn Nhà thầu	11. Tính công khai, minh bạch trong công tác lựa chọn nhà thầu
	12. Mức độ đảm bảo tính trung thực và cạnh tranh trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu
	13. Tính tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc tổ chức lựa chọn nhà thầu
	14. Khả năng đáp ứng các yêu cầu công việc thực tế (trong quá trình thực hiện) của các nhà thầu trúng thầu so với các đề xuất trong hồ sơ dự thầu

Mục tiêu đánh giá	Hệ thống các chỉ tiêu (H_i)
Thương thảo và ký kết hợp đồng	15. Tính tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc thương thảo và ký kết hợp đồng
	16. Tính hợp pháp và hợp lý của các điều khoản được ký kết trong hợp đồng
Quản lý chất lượng thi công	17. Tính tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc quản lý chất lượng công trình
	18. Tính tuân thủ hồ sơ thiết kế được duyệt, tiêu chuẩn, quy trình thi công và nghiệm thu áp dụng đối với dự án
Nghiệm thu, thanh quyết toán và đưa công trình đi vào khai thác sử dụng	19. Tính trung thực trong việc nghiệm thu khối lượng thực tế thi công
	20. Tính tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc nghiệm thu, thanh toán, quyết toán vốn công trình hoàn thành.
	21. Mức độ gia tăng về khả năng phục vụ của dự án
	22. Mức độ ảnh hưởng của dự án
	23. Các giải pháp tổ chức giao thông, an toàn giao thông của dự án
	24. Khả năng kết nối với hệ thống hạ tầng đô thị hiện hữu và định hướng phát triển trong tương lai
25. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các đối tượng trực tiếp sử dụng dự án (qua phỏng vấn trực tiếp, phát phiếu thăm dò)	

3.5.2. Quy trình nội bộ (N)

Bảng 3.3. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá tiêu chí Quy trình nội bộ

Mục tiêu đánh giá	Hệ thống các chỉ tiêu (N_i)
Cấp quyết định đầu tư	1. Thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư có đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật
	2. Quy trình đầu tư có tuân thủ quy định
Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt Dự án	3. Năng lực của tổ chức được giao nhiệm vụ thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự án

Mục tiêu đánh giá	Hệ thống các chỉ tiêu (N_i)
Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt Dự án	4. Chất lượng thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế cơ sở
	5. Chất lượng thẩm tra, thẩm định và phê duyệt tổng mức đầu tư
Thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán	6. Năng lực của tổ chức được giao nhiệm vụ thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán
	7. Chất lượng thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế
	8. Chất lượng thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán
Công tác lựa chọn Nhà thầu	9. Năng lực của các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu
	10. Chất lượng xét thầu
Quản lý hợp đồng	11. Đảm bảo tiến độ thi công theo hợp đồng
	12. Tính tuân thủ đối với các điều khoản được ký kết trong hợp đồng
Quản lý chất lượng thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán	13. Nâng cao chất lượng thi công
	14. Giảm thiểu các sự cố trong quá trình thi công, đảm bảo các điều kiện nghiệm thu, đưa vào sử dụng công trình
	15. Tính tuân thủ hồ sơ thiết kế và hồ sơ dự thầu
	16. Kết quả kiểm soát, nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng thi công thực tế so với hợp đồng và dự toán được duyệt.
	17. Tính khách quan và chất lượng công tác kiểm định chất lượng công trình

3.5.3. Đào tạo và phát triển (Đ)

Bảng 3.4. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá tiêu chí Đào tạo và phát triển

Mục tiêu đánh giá	Hệ thống các chỉ tiêu (Đ)
Công nghệ	1. Việc ứng dụng các tiến bộ của khoa học công nghệ
	2. Các bài học kinh nghiệm về công nghệ (giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công...)
Con người	3. Nâng cao kỹ năng quản lý của lãnh đạo các đơn vị tham gia quản lý điều hành dự án
	4. Nâng cao năng lực chuyên môn cho nhân viên

Con người	5. Nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm trong công việc
Tổ chức	6. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ
	7. Các bài học kinh nghiệm về quản lý sau khi hoàn thành dự án

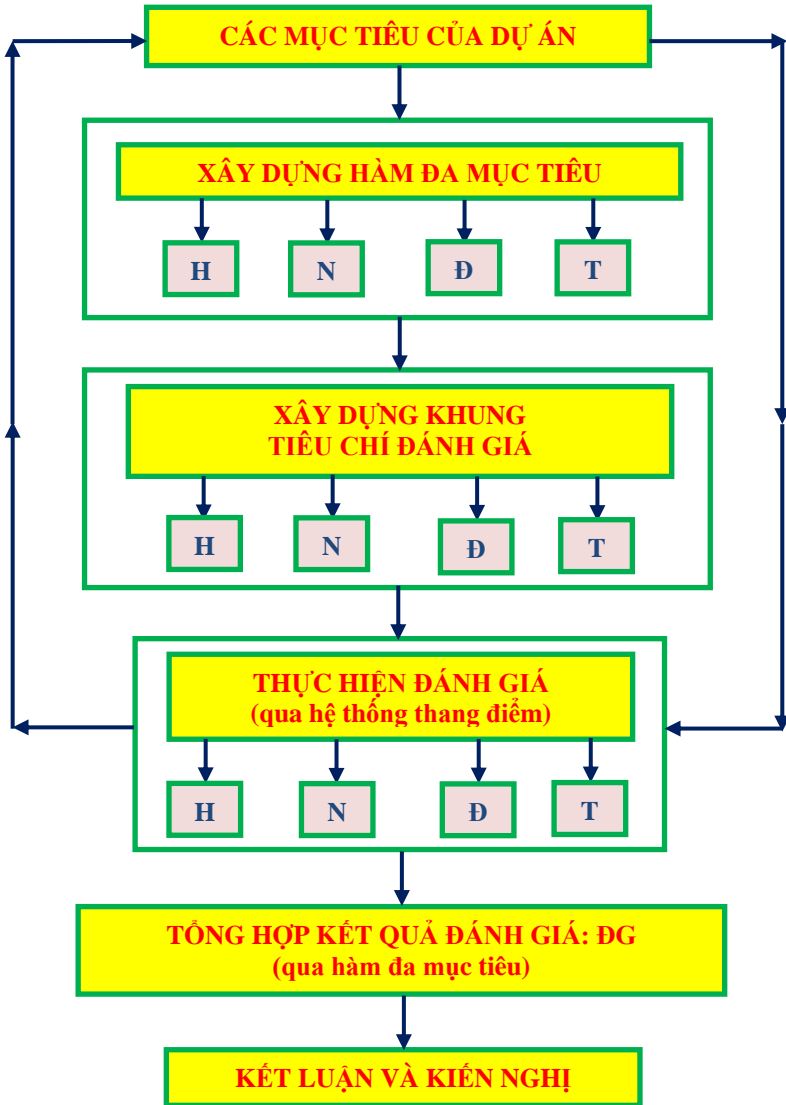
3.5.4. Tài chính (T)

Bảng 3.5. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá tiêu chí Tài chính

Mục tiêu đánh giá	Hệ thống các chỉ tiêu (T _i)
Tài chính	1. Tính công khai, minh bạch trong công tác quản lý tài chính
	2. Giải ngân nguồn vốn đảm bảo quy định và kịp thời, đảm bảo các điều khoản cam kết riêng của nguồn vốn (nếu có)
	3. Tính trung thực trong việc nghiệm thu, thanh quyết toán khối lượng thi công hoàn thành
	4. Tính tiết kiệm trong quản lý chi phí đầu tư
	5. Suất đầu tư so với các dự án tương tự
	6. Tăng giá trị khai thác quỹ đất khu vực dự án đi qua
	7. Lập báo cáo tài chính trung thực và đúng thời hạn
	8. Thuê kiểm toán độc lập và chất lượng báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập
	9. Kết quả thanh tra, kiểm toán của các đơn vị thanh tra, kiểm toán nhà nước

3.6. THIẾT LẬP SƠ ĐỒ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Sơ đồ quy trình đánh giá hiệu quả đầu tư bằng thẻ điểm cân bằng:



Hình 3.8. Sơ đồ thực hiện quy trình đánh giá

H: Sự hài lòng của khách hàng; N: Quy trình nội bộ; T: Tài chính
Đ: Đào tạo và phát triển; ĐG: Điểm đánh giá tổng hợp

3.7. KẾT LUẬN

Trên cơ sở khung 04 tiêu chí tổng quát thành lập Thẻ điểm cân bằng (Sự hài lòng của khách hàng; Quy trình nội bộ; Đào tạo và phát triển; Tài chính), việc đánh giá hiệu quả đầu tư được số hóa qua hệ thống thang điểm từ 0 ÷ 10 điểm qua việc đánh giá, so sánh kết quả hoàn thành và mục tiêu đề ra ban đầu của dự án.

Kết quả đánh giá chi tiết đối với từng tiêu chí tổng quát được xác định bằng các hàm số được thiết lập thông qua hệ thống các chỉ tiêu đánh giá cụ thể. Kết quả đánh giá tổng hợp được xác định trên cơ sở hàm đa mục tiêu được xây dựng bởi việc xác định tỷ trọng đối với kết quả đánh giá chi tiết đối với từng tiêu chí tổng quát.

Việc xây dựng các chỉ tiêu cụ thể trong các tiêu chí đánh giá tổng quát theo xu hướng mở, tùy thuộc vào đặc thù riêng của mỗi dự án và trình độ của người tham gia đánh giá hiệu quả đầu tư dự án. Kết quả nghiên cứu của đề tài chỉ định hình khung hệ thống các chỉ tiêu cơ bản làm căn cứ tổng hợp kết quả đánh giá đối với các tiêu chí tổng quát.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả lập Bảng tính Excel tổng hợp và xây dựng phương pháp đánh giá.

CHƯƠNG 4

ỨNG DỤNG ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THÁI NỐI DÀI ĐI BÀ NÀ, TP ĐÀ NẴNG

4.1. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN

4.1.1. Tổng quan về dự án

Dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (Hợp đồng BT) với Tổng mức đầu tư 1.072.688.655.000 đồng.

4.1.2. Mục tiêu đầu tư của dự án

- Phục vụ vận tải cho các cơ quan, xí nghiệp ở hai bên đường.
- Xây dựng trục đường ngang chính nối khu du lịch Bà Nà và QL1A; Tạo thêm một tuyến nối thông với đường tránh hầm Hải Vân
- Chuẩn bị cho việc xây dựng và mở rộng thành phố Đà Nẵng về phía Tây, chuẩn bị cơ sở hạ tầng cho việc bố trí xe buýt BRT.

4.1.3. Quy mô đầu tư

Dự án gồm các hạng mục: giao thông và thoát nước tuyến chính; khu tái định cư; cấp nước; cảnh quan, cây xanh; điện chiếu sáng

4.1.4. Nguồn vốn đầu tư

Nhà đầu tư BT tự ứng kinh phí để triển khai thực hiện. Sau khi hoàn thành, Nhà nước (Tp Đà Nẵng) hoàn trả vốn cho Nhà đầu tư.

4.2. CÁC TỒN TẠI PHÁT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Qua kiểm toán dự án, Kiểm toán Nhà nước đã phát hiện nhiều nội dung tồn tại, trong đó nổi cộm lên các vấn đề:

4.2.1. Về chủ trương đầu tư, nhu cầu đầu tư, nguồn vốn đầu tư

- Dự án xác định sự cần thiết đầu tư chưa có căn cứ, chưa đảm bảo điều kiện để áp dụng tiêu chuẩn thiết kế đường phố chính thứ yếu
- Sử dụng nguồn vốn hoàn trả nhà đầu tư không đúng với chủ

trương ban đầu.

- Điều chỉnh tăng quy mô đầu tư (từ mặt cắt 25m lên 34m) và bổ sung đầu tư khu tái định cư nhưng không tổ chức thẩm định xác định nhu cầu cũng như sự cần thiết phải đầu tư.

4.2.2. Về công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt Dự án

- Không thực hiện khảo sát, xác định lưu lượng xe hiện tại và dự báo lưu lượng năm tương lai làm căn cứ thiết kế. Xác định chi phí lãi vay, chi phí dự phòng không có cơ sở làm tăng tổng mức đầu tư.

4.2.3. Khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán

- Thiết kế độ dốc dọc và hệ số mái taluy không đúng tiêu chuẩn TCXDVN 104:2007.

- Hạng mục giao thông, thoát nước của Khu tái định cư thi công vào tháng 3/2014 nhưng dự toán lấy giá vật liệu tháng 6/2014, đồng thời không có bảng bóc tách khối lượng làm cơ sở lập dự toán.

4.2.4. Về công tác lựa chọn Nhà thầu

- Tất cả các gói thầu đều được chỉ định thầu. Tuy không sai đối với dự án BT nhưng làm giảm tính tiết kiệm chi phí đầu tư.

4.2.5. Thương thảo và ký kết hợp đồng

- Sở GTVT là cơ quan ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết; các gói thầu xây lắp chính áp dụng hình thức trọn gói khi không đủ điều kiện.

4.2.6. Quản lý chất lượng, khối lượng thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình

- Không tuân thủ đầy đủ chỉ dẫn kỹ thuật đối với công tác đào nền đường; thí nghiệm, kiểm định vật liệu không đạt theo tiêu chuẩn nhưng các bên vẫn nghiệm thu, đưa vào công trình.

- Một số hạng mục công việc không thi công và thi công không đúng thiết kế vẫn được Sở GTVT xác nhận và nghiệm thu.

- Dự án chưa đủ điều kiện đưa vào sử dụng nhưng đã được tổ

chức khánh thành đưa vào sử dụng (ngày 29/3/3015).

4.2.7. Về công tác quản lý tài chính, quản lý chi phí

- Kết quả kiểm toán đã xuất toán số tiền 17.024.971.368 đồng.

4.3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ BẰNG THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG

4.3.1. Xây dựng hàm đa mục tiêu

a. Chọn hệ số tỷ trọng điểm

- Yếu tố sự hài lòng của cấp quyết định đầu tư đóng vai trò chủ đạo xuyên suốt trong quá trình đầu tư dự án. Chọn $k_H = 0,35$.

- Với hình thức hợp đồng BT, vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ rất quan trọng. Chọn $k_N = 0,3$.

- Dự án không áp dụng các tiến bộ mới về công nghệ thi công công trình. Chọn $k_D = 0,1$.

- Từ kết quả chọn các hệ số k_H, k_N, k_D ta có $k_T = 0,25$.

b. Hàm đa mục tiêu

Từ kết quả chọn hệ số tỷ trọng điểm, ta có hàm đa mục tiêu:

$$\begin{aligned} \text{ĐG} &= k_H \times H + k_N \times N + k_D \times D + k_T \times T \\ &= 0,35 \times H + 0,3 \times N + 0,1 \times D + 0,25 \times T \end{aligned}$$

4.3.2. Xây dựng khung tiêu chí và thực hiện đánh giá:

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tại chương 3, kết hợp kết quả kiểm toán dự án, thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư. Kết quả như sau: $H = 5,875$ điểm; $N = 5,813$ điểm; $D = 4,8$ điểm; $T = 5,125$ điểm

4.3.3. Tổng hợp kết quả đánh giá

Tổng hợp kết quả đánh giá của dự án:

$$\begin{aligned} \text{ĐG} &= 0,35 \times H + 0,3 \times N + 0,1 \times D + 0,25 \times T \\ &= 5,561 \text{ điểm} \end{aligned}$$

4.3.4 Kết luận và kiến nghị đối với dự án

Từ điểm số tổng hợp kết quả đánh giá, đối chiếu với khung điểm đánh giá: $5,0 \leq \text{ĐG} < 7,0$ điểm kết luận **dự án đầu tư kém hiệu quả**.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, đưa ra các kiến nghị đối với dự án

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá hiệu quả đầu tư dự án hạ tầng đô thị là một trong những nội dung thiết yếu trong công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình nói chung và dự án hạ tầng đô thị nói riêng nhằm so sánh, đối chiếu kết quả thực hiện so với các mục tiêu đặt ra ban đầu của dự án. Kết quả đánh giá hiệu quả đầu tư là căn cứ tham chiếu đánh giá quá trình hoạt động của cả hệ thống vận hành dự án từ khi chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc vòng đời dự án.

2. Tham gia hoạt động đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án có nhiều chuyên gia, tổ chức độc lập có thể thực hiện tùy thuộc vào nhu cầu và tính chất của từng dự án. Đối với Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước là cơ quan được Quốc hội thành lập, thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công, trong đó việc đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đóng vai trò hết sức quan trọng.

Tuy nhiên hiện nay, lĩnh vực đánh giá hiệu quả đầu tư dự án của Kiểm toán Nhà nước vẫn còn khá mới mẻ và chưa định hình được hệ thống khung các tiêu chí cũng như phương pháp đánh giá cụ thể, hầu hết dựa hoàn toàn vào cảm quan của các Kiểm toán viên thực hiện. Vì vậy, việc đánh giá đôi khi còn mang tính cảm tính, mang tính phiến diện, chưa thật sự khách quan và chưa có cái nhìn tổng hòa trên tất cả các mối quan hệ kinh tế - chính trị - xã hội - mỹ thuật và kỹ thuật xây dựng công trình.

3. Nhằm giảm thiểu tới mức thấp nhất các nhận định mang tính cảm tính và chủ quan của người đánh giá, tác giả xây dựng phương pháp đánh giá bằng Thẻ điểm cân bằng dựa trên cơ sở 04 tiêu chí tổng quát gồm: Sự hài lòng của khách hàng; Quy trình nội bộ; Đào tạo và phát triển và Tài chính.

Bên cạnh đó, từ các kiến thức về kỹ thuật xây dựng công trình và tài chính đầu tư, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn trong công tác

kiểm toán, trên nền tảng khung 04 tiêu chí tổng quát thành lập nên Thẻ điểm cân bằng, tác giả tiến hành xây dựng hệ thống các chỉ tiêu cụ thể đối với từng tiêu chí tổng quát tương ứng với từng giai đoạn đầu tư làm căn cứ đánh giá.

Việc đánh giá được phân tầng theo hệ thống thang điểm từ 0 ÷ 10 điểm theo nhận định khách quan của người tham gia đánh giá. Kết quả đánh giá đối với từng tiêu chí tổng quát được xác định theo phương pháp trung bình cộng số điểm của tất cả các chỉ tiêu cụ thể tương ứng. Từ kết quả điểm đánh giá đối với từng tiêu chí tổng quát, việc xác định kết quả đánh giá tổng hợp được tính toán theo hàm đa mục tiêu được thành lập trên cơ sở xác định mức độ ảnh hưởng (tỷ trọng điểm) của từng tiêu chí tổng quát đối với từng dự án.

4. Kết quả nghiên cứu của đề tài mang xu hướng mở, tùy thuộc vào tính chất và mức độ quan trọng của từng dự án, ngay từ khi bắt đầu triển khai công tác đánh giá, các cá nhân hoặc tổ chức tham gia đánh giá hiệu quả đầu tư sẽ thống nhất xác định mức độ ảnh hưởng (tỷ trọng điểm) của từng tiêu chí tổng quát và đặt ra các chỉ tiêu đánh giá chi tiết trên nền tảng các chỉ tiêu cơ bản đã được đề tài xây dựng để ứng dụng vào thực tế.

5. Kết quả nghiên cứu của đề tài mang tính ứng dụng khá cao vào thực tiễn công tác của Kiểm toán Nhà nước, góp phần khắc phục các nhược điểm của cách đánh giá chủ quan, cảm tính hiện nay của các Kiểm toán viên Nhà nước. Ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ giúp cho việc đưa ra các ý kiến đánh giá được chi tiết hơn, khách quan hơn, chính xác và sát với kết quả thực tiễn đầu tư dự án hơn.

6. Đề tài có thể tiếp tục được triển khai mở rộng sang các nhóm công trình khác (dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện...) để có thể xây dựng thành **Quy trình đánh giá hiệu quả đầu tư các dự án đầu tư xây dựng** áp dụng trong kiểm toán hoạt động của Kiểm toán Nhà nước.